

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 283/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 12 – 2021
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phước Tân;
2. Bà Nguyễn Thị Lợi.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Đỗ Ngọc Mai Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Chau San - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 232/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 531/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 546/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Kim T, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 09, ấp PK, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Trần Văn T1, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 09, ấp PK, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang.

Người làm chứng: Bà Phạm Thị A, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ 18, ấp PT, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bà Ngô Thị Kim T và bà Phạm Thị A có mặt, ông Trần Văn T1 vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 23/3/2021 của bà Ngô Thị Kim T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Kim T và ông Trần Văn T1 tự tìm hiểu, quen biết và được gia đình hA bên đồng ý đứng ra tổ chức lễ cưới vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 49/HT, quyền số 01/09 ngày 03/4/2009 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu).

Quá trình chung sống, thời gian đầu bà T và ông T1 sống hạnh phúc. Mâu thuẫn chỉ bắt đầu phát sinh từ tháng 3/2020 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T1 không chung thủy trong đời sống vợ chồng, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bà khuyên ngăn nhưng ông T1 không thay đổi mà còn dùng lời lẽ xúc phạm và có hành vi bạo lực gia đình đối với bà T. Gia đình cha mẹ hA bên có đứng ra hàn gắn, nhưng không thành. Đến tháng 07/2020, cả 02 sống ly thân nhau cho đến nay không hàn gắn tình cảm. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Quá trình chung sống, hai người sinh được 02 (hai) con chung tên: Trần Ngô Trí Quang, sinh ngày 25/8/2009 và Trần Ngô Trí Khang, sinh ngày 14/7/2013. Hiện hA con chung đang sinh sống cùng bà T. Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi dạy hA con chung, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập ông T1 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 11/11/2021 nhưng ông T1 vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T1, ông T1 cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án.

Ngày 11/11/2021, bà T có đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án, yêu cầu không tiến hành hòa giải.

- Về tài liệu, chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do bà T giao nộp: Bản chính Bản tự khai ngày 23/3/2021; bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày 03/4/2009 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu; bản sao Giấy khA sinh mang tên Trần Ngô Trí Quang và bản sao Giấy khai sinh mang tên Trần Ngô Trí Khang; bản sao Sổ hộ khẩu gia đình mang tên Ngô Thị Kim T; bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Ngô Thị Kim T.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Phạm Thị A ngày 11/11/2021; biên bản ghi nhận ý kiến hai cháu Trần Ngô Trí Quang và Trần Ngô Trí Khang ngày 12/11/2021.

Tại phiên tòa,

- Bà Ngô Thị Kim T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn T1, yêu cầu được nuôi dạy con chung và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

- Người làm chứng bà Phạm Thị A cho biết: Bà A là mẹ ruột của bà T. Về nguyên nhân và điều kiện đi đến hôn nhân của bà T và ông T1 là do tự tìm hiểu, quen biết nhau trước rồi được cha mẹ đồng ý tiến hành đám cưới, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống bà thấy tương đối hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, bà hỏi thăm thì nghe nói là do T1 không chung thủy trong hôn nhân và còn kiếm chuyện đánh bà T, bà A có khuyên ngăn nhưng không được vì ông T1 không muốn chung sống với bà T, đến tháng 7/2020 thì ly thân nhau. Theo bà A biết thì hiện nay tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T1 không thể hàn gắn nên mong Tòa án giải quyết cho T được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Có 02 con chung hiện đang sống với bà T.

Về tài sản chung, nợ chung: Không rõ.

- Theo biên bản ghi nhận ý kiến, con chung Trần Ngô Trí Q và Trần Ngô Trí K cho biết: Các cháu nhận được mọi sự chăm sóc, giáo dục từ bà T từ trước cho đến nay. Ông T1 bỏ nhà đi đâu không rõ. Trong trường hợp bà T và ông T1 ly hôn thì cả hai đều có nguyện vọng được sống cùng bà T.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Ông T1 vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 207, Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Theo trình bày của bà T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà T và ông T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu được nuôi dạy hai con chung, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung, đương sự không có nên không xem xét, giải quyết.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn ông Trần Văn T1 đều vắng mặt không lý do; đồng thời, ông T1 đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, ông T1 đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Nguyên đơn bà Ngô Thị Kim T có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải nên vụ án được xem là không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự

là phù hợp với quy định tại Điều 228, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Bà T và ông T1 kết hôn chung sống vào năm 2008, có đăng ký kết hôn. Ông T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: ấp PK, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà T và ông T1 hình thành do tự tìm hiểu, quen biết và được sự đồng ý của hai bên cha mẹ đứng ra tổ chức vào năm 2008, có đăng ký kết hôn. Bà T cho rằng, quá trình chung sống, thời gian đầu tương đối hạnh phúc. Bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ tháng 3/2020 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không chung thủy. Bà T đã khuyên ngăn nhưng ông T1 không thay đổi mà còn dùng lời lẽ xúc phạm và có hành vi bạo lực gia đình đối với bà T. Gia đình HA bên có đứng ra hàn gắn, nhưng không thành. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông T1.

Nam nữ khi tiến đến hôn nhân đều hướng đến mục đích là xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững nhưng giữa bà T và ông T1 lại tồn tại những mâu thuẫn không thể hàn gắn dẫn đến đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Việc ông T1 sống không chung thủy và có hành vi bạo lực gia đình cũng như việc cả hai đã sống ly thân nhau từ năm 2020 cho đến nay, không hàn gắn tình cảm mặc dù đã được gia đình hòa giải, động viên đã cho thấy sự vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Từ những phân tích nêu trên, có thể nhận thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống, bà Ngô Thị Kim T và ông Trần Văn T1 sinh được 02 (hai) con chung: Trần Ngô Trí Q, sinh ngày 25/8/2009 và Trần Ngô Trí K, sinh ngày 14/7/2013. Hiện hai con chung đang sinh sống cùng bà T

Sau khi xem xét điều kiện nuôi con của bà T và xem xét nguyện vọng của con chung. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quyết định để bà T được trực tiếp nuôi dạy con chung.

Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã giải thích cho bà T về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung đối với người không trực tiếp nuôi con chung, cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con chung, nhưng bà T vẫn giữ nguyên ý kiến của mình. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định công nhận sự tự nguyện của bà T trong việc không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây

ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ông T1 cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà T. Ngược lại, bà T cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên nếu sau này ông T1 có yêu cầu về tài sản chung, nợ chung thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông T1 không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà T và ông T1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Kim T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Kim T được ly hôn với ông Trần Văn T1.

2. Về con chung: Bà Ngô Thị Kim T được trực tiếp nuôi dạy hai con chung tên: Trần Ngô Trí Quang, sinh ngày 25/8/2009 và Trần Ngô Trí Khang, sinh ngày 14/7/2013. Ông Trần Văn T1 không phải cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Ông Trần Văn T1 cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà Ngô Thị Kim T. Ngược lại, bà T cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng

nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Bà Ngô Thị Kim T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo Biên 1A thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006561 ngày 26/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AP, tỉnh An Giang.

Ông Trần Văn T1 không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai có mặt bà Ngô Thị Kim T, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của ông Trần Văn T1 là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

5. Giấy chứng nhận kết hôn số 49/HT, quyển số 01/09 ngày 03/4/2009 của Ủy ban nhân dân xã VX, thị xã TC cấp cho bà Ngô Thị Kim T và ông Trần Văn T1 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện An Phú;
- THADS huyện AP;
- UBND xã VX, thị xã TC;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tuân